TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/DS-PT
Ngày 25-12-2025
Về việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Diễn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hải Nam.

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2025, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Số nhà A đường P, tổ D, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị B, sinh năm 1953 (có mặt) và ông Võ Đức N, sinh năm 1982 (vắng mặt); cùng địa chỉ: Đ, thôn I, xã A, tỉnh Quảng Ngãi (địa chỉ cũ: Đội 7, thôn D, xã A, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trương Thị B và ông Võ Đức N: Bà Phạm Thị Thúy K, sinh năm 1991. Theo 02 Giấy uỷ quyền lập ngày 22/12/2025; địa chỉ: Số C đường P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Số I đường L, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Trương Thị B – Là bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Quá trình làm ăn quen biết, bà Phạm Thị H có cho bà Trương Thị B và ông Võ Đức N vay nhiều lần với tổng số tiền 329.000.000đồng, thời hạn cho vay 30 ngày thì người vay phải trả tiền cho bà H thông qua bà Phan Thị Mỹ D. Sau khi đưa tiền vay, bà B và ông N đã ký vào giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 và bà D giao lại giấy mượn tiền cho bà H lưu giữ đến nay. Hết thời hạn vay, bà B, ông N không trả nợ cho bà H. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trương Thị B, ông Võ Đức N phải trả cho bà số tiền nợ gốc 329.000.000đồng, bà không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị H nhận thấy bà Trương Thị B có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và ông Võ Đức N đau ốm nên bà H thay đổi một phần yêu cầu, cụ thể bà H yêu cầu Tòa án buộc bà B, ông N phải trả cho bà số tiền nợ gốc 300.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi; bà rút yêu cầu buộc bà B, ông N trả số tiền 29.000.000đồng.

** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trương Thị B trình bày:*

Bà Trương Thị B thừa nhận có vay tổng số tiền 329.000.000đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2024 là đúng, bà và ông Võ Đức N đã nhận đủ số tiền này, đã ký xác nhận vào giấy vay tiền là đúng. Tuy nhiên, bà đã vay tiền của bà Phan Thị Mỹ D chứ không vay tiền của bà Phạm Thị H, bà không biết bà H là ai. Trong quá trình vay, bà có nhiều lần trả tiền cho bà D nhưng không nhớ cụ thể số tiền đã trả là bao nhiêu; tài liệu, chứng cứ về việc trả nợ bà không có. Bà không đồng ý trả nợ cho bà H, nếu có trả thì bà chỉ trả nợ cho bà Phan Thị Mỹ D.

Ngoài ra, bà B xác định có mượn của bà D tổng cộng 90.000.000đồng, bà đã trả cho bà D tổng cộng 138.000.000đồng (90.000.000đồng tiền gốc và 48.000.000đồng tiền lãi). Việc bà D cho bà mượn tiền và buộc trả tiền lãi 48.000.000đồng là vi phạm pháp luật về tội cho vay lãi nặng, do đó bà đề nghị Tòa án chuyển hồ sơ qua Cơ quan Cảnh sát điều tra để làm rõ hành vi vi phạm pháp luật của bà D.

** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Võ Đức N trình bày:*

Ông Võ Đức N thừa nhận chữ viết và chữ ký tại giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2024 là của ông. Tuy nhiên, thời điểm ký vào giấy mượn tiền đề ngày 01/01/2024 là dựa trên việc ông nhờ mẹ là bà Trương Thị B vay giúp ông 5.000.000đồng, bà B có đưa mẫu giấy mượn tiền không có bất kỳ nội dung gì yêu cầu ông ký sau đó sẽ vay tiền đem về giúp ông nhưng mãi thời gian sau ông đều không nhận được tiền do bà B vay giúp. Do đó, bà Phạm Thị H yêu cầu ông và bà B phải trả số tiền nợ 329.000.000đồng thì ông không đồng ý.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Mỹ D trình bày:*

Bà có quan hệ quen biết, làm ăn buôn bán với bà Phạm Thị H. Trong quá trình buôn bán, bà cũng có quen biết với bà Trương Thị B, ông Võ Đức N. Do bà B, ông N không có vốn làm ăn nên hỏi mượn tiền bà, bà không có tiền cho mượn nên nói bà H thì bà H đồng ý cho bà B, ông N mượn tiền. Trong năm 2023, bà H đã nhiều lần đưa tiền cho bà để bà đưa cho bà B, ông Nguyên M và bà B, ông N đều viết giấy mượn tiền. Đến ngày 01/01/2024, bà B và ông N còn nợ số tiền 329.000.000đồng nên bà B, ông N đã viết giấy mượn tiền có nội dung bà Trương Thị B, ông Võ Đức N còn nợ số tiền 329.000.000đồng, còn những giấy mượn tiền trước đều bị xé bỏ. Sau đó, bà đã đưa lại giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 cho bà H. Bà xác định bà có đưa tiền của bà H cho bà B, ông Nguyên M, tiền bà B và ông N mượn đều là tiền của bà Phạm Thị H chứ không phải tiền của bà. Việc bà đưa tiền của bà H cho bà B, ông N mượn là do bà H đồng ý cho mượn và đó là tiền của bà H, bà chỉ là người đưa tiền giúp cho bà H, bà không có yêu cầu gì.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bà Trương Thị B và ông Võ Đức N phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H yêu cầu bà Trương Thị B và ông Võ Đức N trả số tiền 29.000.000đồng.

Về án phí:

Bà Trương Thị B và ông Võ Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H 8.225.000đồng (Tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002842 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ngãi).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/10/2025, bị đơn bà Trương Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Đề nghị xem xét hành vi cho vay nặng lãi của bà Phan Thị Mỹ D theo Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và xem xét mối liên hệ giữa bà D và bà Phạm Thị H trong việc sử dụng giấy vay làm chứng cứ khởi kiện dân sự. Tại phiên toà, bà B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Trương Thị B làm trong thời hạn luật định, đảm bảo hình thức, nội dung theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[1.2] Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Mỹ D vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Trương Thị B đề nghị xem xét hành vi cho vay lãi nặng của bà Phan Thị Mỹ D theo Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và xem xét mối liên hệ giữa bà D và bà Phạm Thị H trong việc sử dụng giấy vay làm chứng cứ khởi kiện dân sự:

Theo đề nghị của bà Trương Thị B, ngày 20/11/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi) có Công văn số 516/TA-DS gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q) để điều tra làm rõ trình bày của bà Trương Thị B về hành vi của bà Phan Thị Mỹ D có dấu hiệu cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự hay phạm tội khác theo quy định của Bộ luật Hình sự không. Đến ngày 29/5/2025, Tòa án nhận được Công văn số 1585/CSHS(DD) ngày 28/5/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q phúc đáp với nội dung: Ngày 12/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Phan Thị Mỹ D về tội "Tổ chức đánh bạc" và "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q chưa làm việc với người nào tên Trương Thị B và Võ Đức N nên không có căn cứ xử lý. Vì vậy, kháng cáo của bà Trương Thị B đề nghị xem xét hành vi cho vay lãi nặng của bà Phan Thị Mỹ D theo Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và xem xét mối liên hệ giữa bà D và bà Phạm Thị H trong việc sử dụng giấy vay làm chứng cứ khởi kiện dân sự là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bà Trương Thị B yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 -

Quảng Ngãi và chuyển hồ sơ vụ án để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Do chỗ quen biết bà Trương Thị B thông qua bà Phan Thị Mỹ D nên vào ngày 01/01/2024, bà Trương Thị B và ông Võ Đức N có viết giấy mượn (vay) số tiền 329.000.000 đồng với nội dung: Hôm nay ngày 01/01/2024 tôi tên Trương Thị B + Võ Đức N (CMND: 051082018282 V) hộ khẩu thường trú đội bảy xã N có mượn số tiền 329.000.000đồng thời gian 30 ngày. Nếu không trả đúng hẹn nói trên, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và cùng ký tên (mọi giấy trước không còn giá trị).

Bà Trương Thị B, ông Võ Đức N đều thừa nhận chữ ký, chữ viết và số tiền vay thể hiện trong giấy mượn tiền ngày 01/01/2024 nêu trên đúng là của bà B và ông N nhưng ông bà cho rằng số tiền vay 329.000.000 đồng là của bà Phan Thị Mỹ D, không phải của bà Phạm Thị H, ông bà không quen biết bà H. Tuy nhiên, ông bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặc khác, bà Phan Thị Mỹ D thừa nhận số tiền 329.000.000đồng mà bà D đưa cho bà B và ông N mượn là tiền của bà Phạm Thị H, không phải tiền của bà D, bà D chỉ là người đưa tiền giúp cho bà H để bà B và ông N mượn, bà D không có yêu cầu gì. Sau khi mượn tiền, bà B và ông N chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Thị H. Tại phiên toà sơ thẩm, bà Phạm Thị H yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi và rút yêu cầu trả số tiền 29.000.000 đồng nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bà B, ông N phải trả số tiền 300.000.000 đồng cho bà H và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả số tiền 29.000.000đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, bà Trương Thị B kháng cáo yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị B.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi tuyên buộc bà Trương Thị B và ông Võ Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 15.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, bà Trương Thị B có đơn đề nghị miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà do thuộc trường hợp người cao tuổi. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị B; buộc ông Võ Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 7.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hợp lệ nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị B. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi về nội dung.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi về án phí.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Buộc bà Trương Thị B và ông Võ Đức N phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền nợ 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H yêu cầu bà Trương Thị B và ông Võ Đức N trả số tiền 29.000.000đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Đức N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 7.500.000đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền 8.225.000đồng (Tám triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002842 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng THADS khu vực 1 – Quảng Ngãi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Toà Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Công Diễn